

Bản án số:07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé Sáu;
2. Ông Nguyễn Thanh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:210/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cao Thị L, sinh năm 1974, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đặng Văn T, sinh năm 1975, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1945, vắng mặt;
2. Đoàn Thị C, sinh năm 1950, vắng mặt;
3. Trần Thị E, sinh năm 1935, vắng mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2001, chị L và anh T có tổ chức đám cưới và ngày 28 tháng 8 năm 2002, anh chị đã đăng ký kết hôn tại xã L, huyện H. Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có với nhau 01 người con chung tên là Đặng Hoàng S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003. Sau đó, chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh, chửi chị L và đã ly thân từ khi chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cho đến nay.

Năm 2015 và năm 2017, chị L chịu đựng tính cách của anh T không nổi, nên chị L đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân thị xã N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng tại Tòa án anh T hứa khắc phục, sửa chữa tính tình, nên chị đã xin rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Anh T tiếp tục có hành vi đánh, chửi chị L nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Cao Thị L nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị L xin ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị Cao Thị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Đặng Hoàng S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 (cháu S có nguyện vọng và đang sống chung với chị L) và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;

Về tài sản chung: Chị L khai là vợ chồng không có tài sản, nên không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã N đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn T đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị L và anh T được ly hôn; về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Đặng Hoàng S cho chị L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Chị Cao Thị L khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 28 tháng 8 năm 2002, chị Cao Thị L và anh Đặng Văn T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đánh, chửi chị L, nên vào năm 2015 và năm 2017, chị L đã nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn với anh T. Tại Tòa án anh T hứa khắc phục, sửa chữa, nên chị L rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, anh T vẫn có hành vi tiếp tục đánh, chửi chị L rất nhiều lần.

[4] Từ ngày 04 tháng 12 năm 2017 cho đến nay, chị L và anh T đã ly thân; chị L và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Chị Cao Thị L đang nuôi con chung tên Đặng Hoàng S, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và cháu S có nguyện vọng sống chung với chị L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Cao Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Hoàng S, nhưng chị L không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Cao Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Đặng Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiêu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Cao Thị L và anh Đặng Văn T được ly hôn.

Về con chung: Chị Cao Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đặng Hoàng S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003.

(Hiện cháu Đặng Hoàng S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 đang sống chung với chị Cao Thị L).

Về cấp dưỡng: Chị Cao Thị L không yêu cầu anh Đặng Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên là Đặng Hoàng S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Cao Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đặng Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Cao Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:14181 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; chị Cao Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Đặng Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Cao Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 4 năm 2018). Đối với anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Trung